TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 190/2024/HNGĐ-ST
Ngày 31 - 7 - 2024
V/v Không công nhận vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Bửu Thương

Bà Trương Ánh Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Xuân Thùy Dương – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 415/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024 về việc "Không công nhận vợ chồng", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 252/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 07 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Hồ Thuý H; Sinh năm: 1976; Địa chỉ: Nhà không số, ấp B, xã Đ, thành phố C, tỉnh Cà Mau; (có mặt)

- *Bị đơn*: Ông Lâm Văn N; Sinh năm: 1980; Địa chỉ: Nhà không số, ấp C , xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Hồ Thúy H trình bày tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa như sau:

- Hôn nhân: Bà và ông Lâm Văn N tự nguyện chung sống vào năm 2000, không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Đến năm 2012 do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, đã ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Bà yêu cầu được ly hôn với ông N.

- Con chung: Bà và ông N có 01 người con chung tên Lâm Khánh D, sinh ngày 20/01/2001, hiện đã trưởng thành, nên không yêu cầu Toà án giải quyết về nghĩa vụ nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

- Tài sản chung: Bà xác định vợ chồng không có tài sản chung.

- Nợ chung: Bà xác định không có nợ ai và không ai nợ lại ông, bà.

Ông Lâm Văn N trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

- Hôn nhân: Ông và bà H chung sống vào năm 2000, không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, đã ly thân khoảng hơn 10 năm nay. Ông đồng ý ly hôn với bà H.

- Về con chung: Ông và bà H có 01 người con chung tên Lâm Khánh D, sinh ngày 20/01/2001, hiện đã trưởng thành, nên không yêu cầu Toà án giải quyết về nghĩa vụ nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

- Tài sản chung: Ông xác định không có.

- Nợ chung: Ông xác định không có nợ ai và không ai nợ lại ông, bà.

Ông N xin vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là không công nhận vợ chồng.

Bị đơn ông Lâm Văn N có đơn xin vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Bà Hồ Thúy H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lâm Văn N, Hội đồng xét xử xét thấy, bà H và ông N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2000, có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Căn cứ các Điều 9, 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận bà H và ông N là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà H và ông N có 01 người con chung tên Lâm Khánh D, sinh ngày 20/01/2001, hiện đã trưởng thành. Khi ly hôn, bà H và ông N xác định không yêu cầu Toà án giải quyết về nghĩa vụ nuôi dưỡng và cấp dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết là có căn cứ.

[4] Về tài sản chung: Bà H và ông N xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là có căn cứ.

[5] Về nợ chung: Bà H và ông N xác định không có, không ai yêu cầu giải quyết về nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Án phí: Nguyên đơn phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 14, 16, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

Hôn nhân: Không công nhận bà Hồ Thúy H và ông Lâm Văn N là vợ chồng.

Con chung: Không xem xét, giải quyết.

Tài sản chung; Nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Án phí: Bà H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn. Ngày 11/7/2024, bà H đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo lai thu số 0009027 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được đối trừ, chuyển, thu nộp Ngân sách Nhà nước.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Ngọc Hân